

- a. Chủ sở hữu Công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu Công ty;
- b. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên;
- c. Người có liên quan của những người quy định tại Điểm b Khoản này;
- d. Người quản lý Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;
- đ. Người có liên quan của những người quy định tại Điểm d Khoản này.

Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

2. Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Trường hợp tỷ lệ phiếu biểu quyết 50/50, Chủ tịch Công ty xem xét, quyết định.

3. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Các bên ký hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt.

- b. Giá sử dụng trong hợp đồng, giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty:

- a. Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng hoặc Thủ quỹ Công ty.

- b. Báo cáo Chủ sở hữu về các Hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì Chủ tịch Công ty/Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu người còn lại không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

1. Phó Tổng Giám đốc.

a. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

b. Các Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định, có trình độ đại học thuộc một trong các ngành sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực quản lý, có sức khỏe, có đạo đức tốt và có ý thức chấp hành pháp luật.

c. Số lượng Phó Tổng Giám đốc không quá 03 người. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trong trường hợp cần bổ sung thêm số lượng Phó Tổng Giám đốc, phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

d. Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng.

a. Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

b. Kế toán trưởng giúp Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức, thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

c. Kế toán trưởng phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Thời hạn và thời điểm bổ nhiệm lại thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 26. Miễn nhiệm đối với Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty khác (Kiểm soát viên, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng):

1. Miễn nhiệm và cách chức đối với Chủ tịch Công ty.

1.1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này;
- b. Có đơn xin từ chức và Chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;
- c. Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;
- d. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ. Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty.

1.2. Chủ tịch Công ty bị cách chức trong các trường hợp sau:

- a. Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được Chủ sở hữu chấp thuận;
- b. Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;
- c. Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

2. Miễn nhiệm và cách chức Tổng Giám đốc.

2.1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Tổng Giám đốc không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 20 của Điều lệ này;
- b. Có đơn xin nghỉ việc.

2.2. Tổng Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau:

- a. Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;
- b. Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- c. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty;
- d. Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;

d. Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 96 của Luật Doanh nghiệp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý công ty bị miễn nhiệm và cách chức trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố;

b. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

d. Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với công ty.

đ. Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Ủy quyền của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty

Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật; Người được ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc về các công việc được ủy quyền.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, chức danh quản lý khác, người lao động

1. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương, tiền thưởng theo qui định của Nhà nước và tương ứng với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a. Hàng tháng, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng số tiền lương tạm tính của tháng đó; số còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng tổng số tiền thưởng của năm; số còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

b. Số tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương

ứng nêu trên căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính Công ty, qui định về tiền lương, tiền thưởng của Nhà nước hiện hành.

3. Người quản lý Công ty và các chức danh quản lý khác đều được hưởng thêm lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiền thưởng (nếu có).

4. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, lương và các lợi ích khác của Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.

5. Tiền lương của tất cả người lao động trong Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành. Công ty đăng ký tiền lương, tiền công với cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của pháp luật.

6. Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của công ty không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Điều 29. Bộ máy giúp việc.

Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc đề xuất, Chủ tịch Công ty quyết định.

1. Phòng Tổ chức - Hành chính.

2. Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

4. Phòng Kinh doanh.

5. Phòng Công nghệ thông tin.

Điều 30. Các đơn vị trực thuộc Công ty.

1. Tên Chi nhánh Công ty.

1.1. Chi nhánh Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng.

Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An.

1.2. Chi nhánh Kiến An, An Lão - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Kiến An, An Lão.

1.3. Chi nhánh Đồ Sơn, Dương Kinh - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Đồ Sơn, Dương Kinh

1.4. Chi nhánh Thủy Nguyên - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Thủy Nguyên

1.5. Chi nhánh Kiến Thụy - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Kiến Thụy

1.6. Chi nhánh Vĩnh Bảo, Tiên Lãng - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Vĩnh Bảo, Tiên Lãng.

1.7. Chi nhánh An Dương - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số An Dương

1.8. Chi nhánh Cát Hải - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Cát Hải

1.9. Chi nhánh Bạch Long Vỹ - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Bạch Long Vỹ

2. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty phê duyệt và Tổng Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh, khi đủ điều kiện Công ty sẽ thành lập mới hoặc chia tách, sáp nhập, giảm bớt các phòng, ban, trung tâm, chi nhánh, văn phòng, xí nghiệp; phát triển các ngành nghề kinh doanh, đặt các chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn thành phố và các tỉnh trên phạm vi toàn quốc hoặc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật sau khi được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

Mục 3

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC HÌNH THỨC NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 31. Ký kết hợp đồng lao động và quyền lợi người lao động.

1. Ký kết hợp đồng lao động.

Công ty quản lý người lao động thông qua ký kết hợp đồng lao động. Việc ký kết hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được dựa trên các nguyên tắc: Xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế; Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc; Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước; Người lao động trong Công ty được đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của đơn vị.

2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động.

2.1. Quyền của người lao động.

a. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

b. Người lao động thực hiện quyền lợi theo hợp đồng lao động đã ký và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Người lao động có quyền tham gia quản lý Công ty thông qua: Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu công nhân viên chức của Công ty; tổ chức Công đoàn Công ty để tham gia: Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Công ty; các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động; các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty; thực hiện các quyền ghi trong nội quy, quy chế Công ty, thỏa ước lao động tập thể và theo quy định của pháp luật.

2.2. Nghĩa vụ của người lao động.

a. Thực hiện đúng hợp đồng lao động đã ký, thực hiện nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chấp thuận và các quy định khác về lao động đã được Hội nghị công nhân viên chức Công ty thông qua hàng năm.

b. Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao. Trường hợp Công ty thực hiện sắp xếp lao động, tổ chức lại sản xuất kinh doanh dẫn đến Công ty có lao động dôi dư thì việc giải quyết đối với lao động dôi dư thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 32. Hình thức tham gia quản lý của người lao động.

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động.

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ người lao động.

b. Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c. Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d. Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

đ. Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a. Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b. Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c. Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Chủ tịch, Tổng Giám đốc đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế Công ty và những vấn đề khác liên quan đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Bộ máy tham mưu, giúp việc lập kế hoạch để Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Điều 34. Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động

Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty được hưởng theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ tịch công ty quyết định hình thức trả lương, mức lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 35. Năm tài chính, Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán tài chính, Quản lý tài chính Công ty.

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó; Công ty thực hiện công khai tài chính và Báo cáo tài chính, kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ tịch Công ty ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

b. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

c. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

d. Những nội dung khác có liên quan

Điều 36. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận hàng năm sau khi nộp thuế được trích lập vào các quỹ và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lập phương án phân phối lợi nhuận báo cáo Chủ tịch công ty để báo cáo Chủ sở hữu quyết định; Chủ sở hữu có thể quyết định cho trích lập một số quỹ khác theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

Điều 37. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Chủ sở hữu có thể giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

1. Do nguyên nhân khách quan: Chủ sở hữu cho phép xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

2. Do nguyên nhân chủ quan: Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và ban lãnh đạo chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Chủ sở hữu Công ty.

3. Tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản.

Điều 38. Các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Công ty

